

Số: 244/QĐ-QLKTTW

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 42/2018/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư 01/2017/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 01 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-BKH ngày 27 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với tổ chức khoa học công nghệ và công lập;

Sau khi thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn Viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1201/QĐ-QLKTTW ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Trưởng các đơn vị thuộc Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCH Đảng ủy Viện;
- BCH Công đoàn Viện;
- Các đơn vị thuộc Viện;
- Lưu VT, TV.



Trần Thị Hồng Minh

CHƯƠNG V

THỰC HIỆN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TIẾN SỸ

Điều 18. Nguyên tắc thực hiện kinh phí đào tạo trình độ tiến sỹ

Kinh phí thực hiện công tác đào tạo tiến sỹ của Viện được sử dụng từ nguồn thu học phí do nghiên cứu sinh nộp theo thời gian đào tạo tại quyết định công

nhận nghiên cứu sinh. Việc chi kinh phí đào tạo tiến sĩ được thực hiện theo mức chi quy định cụ thể tại Quy chế này.

Trong thời hạn đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trường hợp nghiên cứu sinh phải tổ chức các phiên bảo vệ tiểu luận, chuyên đề, luận án từ lần thứ hai trở đi, toàn bộ kinh phí thực hiện do nghiên cứu sinh tự chi trả.

Đối với nghiên cứu sinh có quyết định công nhận nghiên cứu sinh từ năm 2017 trở về trước, nếu có quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở nằm trong thời hạn đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh, toàn bộ chi phí liên quan đến phiên họp đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở và cấp viện do Viện chi trả.

Đối với nghiên cứu sinh có quyết định công nhận nghiên cứu sinh từ năm 2018 trở đi, nếu có quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp viện nằm trong thời hạn đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh, toàn bộ chi phí liên quan đến phiên họp đánh giá luận án tiến sĩ cấp viện do Viện chi trả.

Đối với nghiên cứu sinh chậm tiến độ, mọi chi phí liên quan đến hoạt động đào tạo tiến sĩ sau thời hạn đào tạo theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh do nghiên cứu sinh tự chi trả.

Điều 19. Chi xây dựng chương trình khung đào tạo và bài giảng các học phần trình độ tiến sĩ

1. Nội dung chi và mức chi

Nội dung chi	Mức chi*
a) Chi xây dựng mới chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ	30 ngày công
- Biên soạn chương trình	15 ngày công
- Chính sửa, biên tập	10 ngày công
- Thẩm định nhận xét	5 ngày công
b) Chi biên soạn mới các bài giảng học phần trình độ tiến sĩ	
- Biên soạn bài giảng	45 ngày công/bài giảng
- Sửa chữa, biên tập tổng thể	15 ngày công/bài giảng
- Thẩm định nhận xét	20 ngày công/bài giảng
c) Chi chỉnh sửa, bổ sung chương trình khung đào tạo và bài giảng các học phần trình độ tiến sĩ	Mức tối đa không quá 30% mức chi xây dựng mới

d) Chi họp Hội đồng xét duyệt đề cương khung chương trình đào tạo và bài giảng học phần trình độ tiến sĩ	
- Chủ tịch, thư ký	700.000 đồng/người
- Các ủy viên	500.000 đồng/người
- Nước uống	20.000 đồng/người
đ) Chi họp Hội đồng nghiệm thu khung chương trình đào tạo và bài giảng học phần trình độ tiến sĩ	
- Chủ tịch	1.000.000 đồng
- Thư ký	700.000 đồng/người
- Nhận xét của phản biện	500.000 đồng/nhận xét
- Nước uống	20.000 đồng/người
- Dọn vệ sinh trước và sau họp	200.000 đồng

(*) Áp dụng quy định mức chi của nhiệm vụ cấp Bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hệ số tiền công theo ngày theo mức của chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Trung tâm tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu trình Viện trưởng nội dung và kinh phí thực hiện từng nội dung cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 20. Chi tổ chức thi tuyển nghiên cứu sinh hằng năm

1. Nội dung và mức chi

Nội dung chi	Mức chi (*) (đồng/người)
a) Hội đồng tuyển NCS (chi cho 1 lần tuyển sinh)	
- Chủ tịch	1.000.000
- Ủy viên thường trực	500.000
- Ủy viên	300.000
b) Ban Thư ký Hội đồng tuyển NCS (chi cho 1 lần tuyển sinh)	
- Trưởng ban	500.000
- Các ủy viên	300.000
c) Tiểu ban chuyên ngành chấm bài luận dự định nghiên cứu của NCS (chi cho 1 lần tuyển sinh)	
- Trưởng Tiểu ban, Thư ký	700.000
- Các ủy viên:	500.000
d) Chi khác	

- Hợp Tổng kết kỳ tuyển sinh:	
+ Chủ trì	200.000
+ Đại biểu tham dự	100.000
- Nước uống phục vụ tuyển sinh (người/cuộc họp)	20.000
- Văn phòng phẩm, photo tài liệu phục vụ tuyển sinh	Theo hóa đơn thực tế

(*) Áp dụng quy định mức chi nhiệm vụ cấp Bộ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với các khoản chi tại khoản 1 tại Điều này, căn cứ số lượng nghiên cứu sinh dự tuyển thực tế, Trung tâm tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu xây dựng kế hoạch và dự toán cụ thể trình Viện trưởng phê duyệt.

Điều 21. Hướng dẫn khoa học thực hiện đề tài luận án

1. Mức chi: 120 giờ chuẩn/1 luận án x 100.000 đồng/1 giờ chuẩn = 12.000.000 đồng/luận án.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh có 02 người hướng dẫn, thì người hướng dẫn 1 (hướng dẫn chính) được hưởng 60% mức chi, người hướng dẫn 2 được hưởng 40% mức chi.

3. Số lần chi trả: theo năm hoặc theo tiến độ thực hiện luận án của nghiên cứu sinh nhưng không vượt quá 12.000.000 đồng/luận án.

Điều 22. Chi giảng dạy, quản lý lớp học, coi thi, xây dựng đề thi và đáp án đề thi và chấm điểm các học phần thuộc trình độ tiến sĩ

Công việc	Mức chi
1. Chi giảng dạy các học phần	400.000 đồng/buổi (4 tiết)
2. Quản lý lớp học các học phần	100.000 đồng/buổi (4 tiết)
3. Coi thi kết thúc học phần	100.000 đồng/người/môn
4. Xây dựng đề thi và đáp án đề thi	200.000 đồng/đề thi
5. Chấm điểm bài thi	50.000 đồng/bài

Điều 23. Chi đánh giá Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, báo cáo khoa học, góp ý luận án tại tổ bộ môn

Nội dung chi	Mức chi
1. Chi đánh giá Tiểu luận tổng quan và các Chuyên đề tiến sĩ	
- Trưởng Tiểu ban	500.000 đồng/chuyên đề
- Ủy viên, Thư ký Tiểu ban	350.000 đồng/người/chuyên đề
- Thư ký hành chính	200.000 đồng/buổi

- Giáo viên hướng dẫn	200.000 đồng/người
- Đại biểu được mời(*)	100.000 đồng/người
- Nước uống	20.000 đồng/người
- Dọn dẹp vệ sinh, bàn ghế	200.000 đồng
2. Chi báo cáo khoa học	
- Báo cáo tham luận (không tính cho NCS):	500.000 đồng/báo cáo
- Chủ trì	500.000 đồng/buổi
- Thư ký khoa học	300.000 đồng/buổi
- Đại biểu được mời(*)	100.000 đồng/người
- Nước uống	20.000 đồng/người
3. Chi họp góp ý luận án tại tổ bộ môn	
- Chủ trì	500.000 đồng/người
- Thư ký khoa học	300.000 đồng/người
- Thư ký hành chính	200.000 đồng/người
- Góp ý của chuyên gia (học vị tiến sĩ trở lên)	700.000 đồng/người
- Góp ý của các đơn vị (ban) trong Viện	500.000 đồng/đơn vị
- Đại biểu được mời(*)	100.000 đồng/người
- Dọn dẹp vệ sinh, bàn ghế	200.000 đồng
- Nước uống	20.000 đồng/người

* Đại biểu mời gồm: Lãnh đạo Viện, đại diện các đơn vị thuộc Viện, giáo viên hướng dẫn NCS, tổ trưởng bộ môn, đại diện cơ quan của NCS và các NCS của Viện.

Điều 24. Chi đánh giá luận án

1. Chi họp đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

Nội dung chi	Mức chi*
a) Chi viết nhận xét trước khi họp Hội đồng	
- Nhận xét của các phản biện	700.000 đồng/nhận xét
- Nhận xét của các thành viên còn lại	500.000 đồng/nhận xét
b) Chi họp Hội đồng	
- Chủ tịch Hội đồng	1.000.000 đồng
- Thư ký Hội đồng	600.000 đồng
- Các thành viên Hội đồng	500.000 đồng/người

Nội dung chi	Mức chi*
- Giáo viên hướng dẫn	200.000 đồng/người
- Thư ký hành chính	200.000 đồng/người
- Đại biểu được mời (**)	100.000 đồng/người
- Nước uống	20.000 đồng/người
- Dọn vệ sinh trước và sau họp	200.000 đồng
c) Chi kiểm soát nội dung chính, sửa hoàn thiện luận án của NCS theo kết luận của Hội đồng, thư ký	500.000 đồng

(*) Áp dụng quy định mức chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

(**) Đại biểu mời gồm: Lãnh đạo Viện, đại diện các đơn vị thuộc Viện, giáo viên hướng dẫn NCS, tổ trưởng bộ môn, đại diện cơ quan của NCS và các NCS của Viện.

2. Chi phản biện độc lập luận án tiến sĩ

Nội dung chi	Mức chi (*)
a) Chi gửi tài liệu đến các phản biện độc lập	Theo hóa đơn bưu điện
b) Chi viết nhận xét của phản biện độc lập	2.500.000 đồng/nhận xét
c) Chi kiểm soát luận án sau khi NCS chỉnh, sửa hoàn thiện theo ý kiến của phản biện độc lập	500.000 đồng

3. Chi họp đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện và thẩm định luận án tiến sĩ khi Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu (nếu có)

Nội dung chi	Mức chi (*)
a) Chi kiểm soát, hiệu đính bản dịch tiếng Anh (tóm tắt luận án và Trang thông tin điểm mới luận án)	1.000.000 đồng
b) Chi viết nhận xét trước khi họp hội đồng	
- Nhận xét của các phản biện	700.000 đồng/nhận xét
- Nhận xét của các thành viên còn lại	500.000 đồng/nhận xét
c) Chi họp Hội đồng	
- Chủ tịch Hội đồng	1.000.000 đồng
- Thư ký Hội đồng	600.000 đồng
- Các thành viên Hội đồng	500.000 đồng/người
- Giáo viên hướng dẫn	200.000 đồng/người
- Thư ký hành chính (cán bộ chuyên trách đào	200.000 đồng/người

Nội dung chi	Mức chi (*)
tạo)	
- Đại biểu được mời (**)	100.000 đồng/người
- Đăng báo Nhân dân lịch bảo vệ luận án	Theo hóa đơn hợp lệ
- Phong hội trường	Theo hóa đơn hợp lệ
- Nước uống	20.000 đồng/người
- Dọn vệ sinh trước và sau họp	200.000 đồng
- Hoa tươi để bàn và chi khác	Theo hóa đơn hợp lệ
d) Chi kiểm soát luận án sau khi NCS chỉnh, sửa hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng	500.000 đồng

(*) Áp dụng quy định mức chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

(**) Đại biểu mời gồm: Lãnh đạo Viện, đại diện các đơn vị thuộc Viện, giáo viên hướng dẫn NCS, tổ trưởng bộ môn, đại diện cơ quan của NCS và các NCS của Viện.

Điều 25. Chi phát bằng tiến sĩ

Nội dung chi	Mức chi
1. Chủ trì (Lãnh đạo Viện)	500.000 đồng
2. Phục vụ hành chính	200.000 đồng
3. Dọn vệ sinh trước và sau buổi lễ	200.000 đồng
4. Phong hội trường	Theo hóa đơn hợp lệ
5. Hoa tươi tặng NCS (1 bó)	Theo hóa đơn hợp lệ

Điều 26. Hợp Hội đồng đào tạo

Nội dung chi	Mức chi
1. Chủ tịch Hội đồng	500.000 đồng
2. Phó Chủ tịch Hội đồng	400.000 đồng
3. Thư ký và Ủy viên	300.000 đồng
4. Nước uống	20.000 đồng/người
5. Dọn vệ sinh trước và sau họp	200.000 đồng

Điều 27. Chi văn phòng phẩm, photocopy, in phôi bằng, in bằng, cước chuyển thư

1. Văn phòng phẩm, photocopy tài liệu phục vụ công tác đào tạo tiến sĩ (kể cả kỳ xét tuyển NCS) hằng năm và phục vụ công tác chuyên môn trong lĩnh vực đào tạo chi theo hóa đơn hợp lệ hoặc theo hợp đồng.

2. Phí in phôi bằng, in bằng, vỏ bằng, cước chuyển thư (tài liệu): Thanh toán theo số lượng thực tế và hợp đồng, hóa đơn hợp lệ.

Điều 28. Chi hội nghị, hội thảo, khai giảng khóa học

Căn cứ các nội dung công việc cụ thể, Trung tâm tư vấn, đào tạo và thông tin tư liệu lập dự toán theo định mức chi tại điểm 3 Điều 23 Quy chế này lập kế hoạch và dự toán cụ thể trình chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền chủ tài khoản phê duyệt.

Điều 29. Chi lương và các khoản đóng góp theo lương cho lao động hợp đồng

Lao động hợp đồng được trả lương theo mức thỏa thuận, được quy định cụ thể trong hợp đồng.

Các khoản đóng góp theo lương, thuế thu nhập cá nhân được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 30. Chi khác

1. Chi in ấn tài liệu chuyên môn: Trung tâm Tư vấn đào tạo và Thông tin tư liệu lập dự toán cụ thể trình chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền chủ tài khoản phê duyệt.

2. Chi kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam: Trung tâm Tư vấn đào tạo và Thông tin tư liệu lập kế hoạch và dự toán cụ thể trình chủ tài khoản hoặc người được ủy quyền chủ tài khoản phê duyệt.

3. Các khoản chi khác.